

Số: /2026/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 30 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2026;

Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 521/TTr-SNNMT ngày 29/12/2025 về dự thảo Quyết định quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết trình tự, thủ tục, hồ sơ và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân trong việc tổ chức thực hiện các chính sách theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện các chính sách theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Trình tự lập, giao dự toán kinh phí hỗ trợ hàng năm

1. Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) tổ chức tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất của tỉnh và định hướng phát triển sản xuất của địa phương đến doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân và người dân; đồng thời chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho phòng hoặc đơn vị sự nghiệp trực thuộc chủ trì tham mưu thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn quản lý (sau đây gọi tắt là cơ quan được giao nhiệm vụ), phối hợp với các thôn, bản, tổ dân phố hướng dẫn lập hồ sơ đăng ký tham gia thực hiện chính sách (thời hạn tiếp nhận đăng ký tham gia thực hiện chính sách do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định, quy định trong văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện chính sách hàng năm trên địa bàn).

2. Trên cơ sở dự án, phương án được thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp xã lập Tờ trình đề nghị giao kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn quản lý (theo mẫu số 01 kèm theo Quyết định này) gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 05/11 hàng năm (năm trước năm kế hoạch).

3. Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định nội dung đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ, tổng hợp gửi Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trước ngày 31/12 hàng năm (năm trước năm kế hoạch). Riêng năm 2026 (năm đầu tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết), nhiệm vụ lập, giao dự toán kinh phí hỗ trợ thực hiện xong trong Quý I năm 2026.

4. Căn cứ Quyết định phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện các dự án, phương án sản xuất trên địa bàn quản lý, đồng thời thông báo đến đối tượng thụ hưởng chính sách để tổ chức thực hiện theo quy định.

5. Điều chỉnh, bổ sung dự toán: Trên cơ sở nhu cầu đăng ký phát sinh trong năm và tình hình triển khai thực hiện chính sách trên địa bàn. Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Tờ trình đề xuất điều chỉnh, bổ sung dự toán kinh phí hỗ trợ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 30/6 hàng năm.

Điều 4. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện chính sách

1. Nộp hồ sơ đăng ký tham gia thực hiện chính sách

a) Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã: Nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ thông qua bộ phận Một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã bằng hình thức nộp trực tiếp hoặc qua môi trường điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính. Thành phần hồ sơ là bản chính bao gồm: Đơn đăng ký tham gia (theo Mẫu số 02 kèm theo Quyết định này); Thuyết minh dự án (theo Mẫu số 03 kèm theo Quyết định này).

Đối với dự án thuộc diện phải chấp thuận chủ trương đầu tư, hồ sơ dự án được lập và thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư, đồng thời gửi kèm Tờ trình đề nghị phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ thực hiện dự án (theo Mẫu số 04 kèm theo Quyết định này).

b) Đối với hộ gia đình, cá nhân: Nộp 01 đơn đăng ký tham gia (bản chính) theo mẫu số 02 kèm theo Quyết định này đến cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ thông qua bộ phận Một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã bằng hình thức nộp trực tiếp hoặc qua môi trường điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính.

2. Tiếp nhận, giải quyết đề xuất thực hiện chính sách

Cơ quan được giao nhiệm vụ, có trách nhiệm tiếp nhận, thụ lý đơn, hồ sơ của đối tượng đăng ký tham gia thực hiện chính sách, cụ thể:

a) Trường hợp nội dung đơn và hồ sơ đề xuất dự án không đầy đủ, không hợp lệ thì cán bộ tiếp nhận thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ để bổ sung hoàn thiện.

b) Trường hợp nội dung đơn và hồ sơ đề xuất dự án đầy đủ, hợp lệ:

Đối với hồ sơ các dự án: Cơ quan được giao nhiệm vụ chuyển hồ sơ dự án đến Tổ thẩm định do Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập.

Đối với đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân: Cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ có trách nhiệm tổng hợp chung và xây dựng Phương án phát triển sản xuất trên địa bàn (theo mẫu số 05 kèm theo Quyết định này) và chuyển hồ sơ Phương án sản xuất đến Tổ thẩm định do Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập (gồm: thuyết minh Phương án, danh sách đối tượng đề nghị hỗ trợ, đơn đăng ký của các hộ gia đình, cá nhân).

Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án và phương án sản xuất, Tổ thẩm định hoàn thành công tác thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp hồ sơ dự án và nội dung đăng ký thực hiện chính sách không đạt yêu cầu, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành văn bản thông báo đến đối tượng đăng ký thực hiện chính sách, trong đó nêu rõ lý do không đạt yêu cầu.

3. Thẩm định, phê duyệt dự án, phương án phát triển sản xuất

a) Tổ thẩm định: Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Tổ thẩm định hồ sơ dự án, phương án sản xuất trên địa bàn quản lý. Thời gian hoạt động của Tổ thẩm định theo năm hoặc hằng năm do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

Thành phần tổ thẩm định gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phụ trách lĩnh vực nông nghiệp và môi trường hoặc Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ; các thành viên là lãnh đạo và công chức, viên chức chuyên môn của các phòng, ban, đơn vị có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị cấp xã tham gia Tổ thẩm định. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp xã mời đại diện các sở, ngành có liên quan, các chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp với nội dung dự án, phương án tham gia Tổ thẩm định.

b) Nội dung thẩm định: Sự cần thiết, mục tiêu, quy mô của dự án, phương án phù hợp với quy hoạch, kế hoạch, điều kiện thực tiễn của địa phương, phù hợp với nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định; nhiệm vụ, giải pháp của dự án, phương án bảo đảm tính khả thi; đánh giá được hiệu quả kinh tế, xã hội của dự án, phương án. Riêng đối với dự án do doanh nghiệp, hợp tác xã đề xuất, phải đánh giá về năng lực của chủ dự án về tư cách pháp lý, kinh nghiệm quản lý dự án, năng lực tài chính, tổ chức bộ máy và khả năng đáp ứng các yêu cầu pháp luật liên quan (PCCC, Môi trường, Quốc phòng an ninh).

c) Phê duyệt dự án, phương án phát triển sản xuất: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản của Ủy ban nhân dân tỉnh và căn cứ hồ sơ thẩm định dự án, phương án sản xuất (Tờ trình của cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ, báo cáo thẩm định dự án, phương án của Tổ thẩm định và các thành phần hồ sơ dự án, phương án theo quy định), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện dự án/phương án sản xuất (theo mẫu số 06 kèm theo Quyết định này) hoặc quyết định phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ thực hiện dự án đối với dự án thuộc diện phải chấp thuận chủ trương đầu tư (theo mẫu số 07 kèm theo Quyết định này).

4. Tổ chức thực hiện các hoạt động phát triển sản xuất.

a) Sau khi có Quyết định phê duyệt thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện dự án, phương án sản xuất hoặc phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ thực hiện dự án của Ủy ban nhân dân cấp xã, đối tượng đăng ký tham gia thực hiện chính sách bắt đầu tổ chức thực hiện các nội dung đầu tư phát triển sản xuất theo nội dung chính sách hỗ trợ (không nghiệm thu, hỗ trợ đối với các nội dung đã đầu tư trước ngày có quyết định phê duyệt thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện dự án, phương án sản xuất của Ủy ban nhân dân cấp xã).

b) Căn cứ nguyên tắc, điều kiện, nội dung chính sách hỗ trợ và các tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, đối tượng thực hiện chính sách tổ chức thực hiện các nội dung đầu tư phát triển sản xuất theo quy định.

5. Nghiệm thu khối lượng hoàn thành dự án, phương án sản xuất

a) Hội đồng nghiệm thu: Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng nghiệm thu dự án, phương án sản xuất trên địa bàn quản lý, trong đó cơ quan được giao nhiệm vụ là bộ phận thường trực của Hội đồng nghiệm thu. Thời gian hoạt động của Hội đồng nghiệm thu theo năm hoặc hằng năm do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

Thành phần Hội đồng nghiệm thu gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phụ trách lĩnh vực nông nghiệp và môi trường hoặc Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ; các thành viên là lãnh đạo và công chức, viên chức chuyên môn của các phòng, ban, đơn vị có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị cấp xã tham gia Hội đồng nghiệm thu. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp xã mời đại diện các sở, ngành có liên quan tham gia Hội đồng nghiệm thu.

b) Nội dung nghiệm thu:

Các nội dung đầu tư phát triển sản xuất theo thuyết minh và dự toán dự án, phương án sản xuất được phê duyệt; đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật; các hồ sơ, hoá đơn, chứng từ chứng minh các nội dung đầu tư phát triển sản xuất.

Nghiệm thu tỷ lệ cây sống sau trồng:

Cây chè: Đạt tỷ lệ cây sống trên 95% sau trồng 90 ngày.

Cây ăn quả (chuối, dứa, bưởi, cam, quýt, lê, mận, đào) và cây dâu tằm: Đạt tỷ lệ cây sống trên 90% sau trồng 90 ngày.

Cây tre măng Bát độ: Đạt tỷ lệ cây sống trên 85% sau trồng 90 ngày đối với trồng bằng củ giống và sau trồng 30 ngày đối với trồng bằng cành giống.

c) Tổ chức nghiệm thu: Sau khi hoàn thành các nội dung đầu tư phát triển sản xuất theo quy định, đối tượng thực hiện chính sách gửi đơn đề nghị nghiệm thu, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ (theo mẫu số 08 kèm theo Quyết định này) đến cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ thông qua bộ phận Một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã bằng hình thức nộp trực tiếp hoặc qua môi trường điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính. Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị nghiệm thu, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ, Hội đồng nghiệm thu tiến hành nghiệm thu theo quy định.

6. Thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ

Căn cứ biên bản nghiệm thu (theo mẫu số 09 kèm theo Quyết định này), cơ quan được giao nhiệm vụ làm thủ tục rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho đối tượng thụ hưởng chính sách theo quy định.

Đối với hình thức cấp phát kinh phí trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng: Yêu cầu bảng kê danh sách đối tượng nhận tiền hỗ trợ có ký nhận của hộ dân, xác nhận của trưởng thôn, bản, tổ dân phố và Ủy ban nhân dân cấp xã; đối với hình thức cấp phát kinh phí bằng chuyển khoản cho đối tượng thụ hưởng: Yêu cầu giấy rút dự toán ngân sách nhà nước, thông báo hoặc xác nhận của ngân hàng về thông tin tài khoản của đối tượng thụ hưởng.

Thời hạn thanh toán kinh phí hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng: Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện thanh toán kinh phí hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng.

Điều 5. Hồ sơ thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ

1. Quyết định giao kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Quyết định phê duyệt thuyết minh, dự toán dự án/phương án sản xuất (kèm theo hồ sơ dự án/phương án sản xuất) của Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Đơn đề nghị nghiệm thu, thanh toán kinh phí hỗ trợ.

4. Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện chính sách.

5. Hoá đơn mua bán hàng hoá, vật tư, thiết bị, cây, con giống theo quy định. Trường hợp hàng hoá, vật tư, thiết bị, cây, con giống do người dân trực tiếp sản xuất, cung ứng tại địa phương không có hoá đơn theo quy định thì sử dụng giấy tờ mua bán có xác nhận của chính quyền địa phương nơi bán để làm cơ sở nghiệm thu, thanh quyết toán.

6. Hồ sơ, giấy tờ về tiêu chuẩn, chất lượng và nguồn gốc cây, con giống, sản phẩm áp dụng theo từng nội dung hỗ trợ, từng trường hợp cụ thể, bao gồm:

a) Giấy chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng vùng nguyên liệu.

b) Giấy xác nhận cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói.

c) Giấy chứng nhận sản phẩm OCOP.

d) Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật.

đ) Văn bản kết luận kết quả kiểm tra vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ động vật của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y có thẩm quyền.

e) Hồ sơ, giấy tờ chứng minh nguồn gốc, tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa, vật tư, thiết bị, cây, con giống:

Đối với cây chè, cây ăn quả (bưởi, cam, quýt, lê, mận, đào) và cây dâu tằm: Yêu cầu cây giống phải có quyết định công nhận cây đầu dòng hoặc quyết định công nhận vườn cây đầu dòng cung cấp vật liệu nhân giống hoặc hạt gieo nhân giống.

Đối với cây tre măng Bát độ: Yêu cầu cây giống phải được mua từ những tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp đáp ứng điều kiện sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp quy định tại Điều 21 Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

Đối với con giống vật nuôi: Có bản sao Bản công bố tiêu chuẩn áp dụng của cơ sở sản xuất giống; trường hợp con giống mua của người dân trực tiếp sản xuất tại địa phương chưa được công bố tiêu chuẩn áp dụng yêu cầu con giống phải bảo đảm khoẻ mạnh, đáp ứng tiêu chuẩn định mức kinh tế kỹ thuật theo quy định và có giấy xác nhận tiêm phòng vắc xin của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc biên bản giám sát tiêm phòng của cơ quan chuyên môn cấp xã; giấy chứng nhận kiểm dịch vận chuyển động vật đối với con giống mua từ ngoài tỉnh.

7. Cơ quan được giao nhiệm vụ thụ lý, giải quyết hồ sơ thanh toán, quyết toán có trách nhiệm tự thực hiện việc tra cứu, cập nhật thông tin, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa hoặc đã được chia sẻ từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo quy định (*chỉ yêu cầu đối tượng thụ hưởng chính*

sách cung cấp thông tin, giấy tờ trong trường hợp các dữ liệu nêu trên chưa được số hóa hoặc chưa được chia sẻ dữ liệu).

Điều 6. Quản lý, sử dụng nguồn vốn, quyết toán, công khai và chế độ báo cáo

1. Tài sản được hình thành sau hỗ trợ là tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân được nhận hỗ trợ, không phải là tài sản công.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo tình hình quản lý, sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ với các cơ quan chức năng theo quy định.

3. Quyết toán ngân sách hỗ trợ hằng năm thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, hướng dẫn của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn khác theo quy định.

4. Thực hiện công khai chính sách hỗ trợ:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cụ thể nội dung và mức kinh phí được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân thuộc phạm vi được giao quản lý.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại hội trường thôn hoặc nhà văn hoá thôn về nội dung và mức kinh phí hỗ trợ thực hiện dự án, phương án sản xuất trên địa bàn quản lý.

5. Chế độ báo cáo:

a) Báo cáo định kỳ: Hằng năm Ủy ban nhân dân cấp xã, các sở, ngành liên quan báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết về Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường, gồm: Kỳ 6 tháng xong trước ngày 30/6; kỳ cả năm xong trước ngày 30 tháng 01 của năm sau năm kế hoạch.

b) Báo cáo đột xuất: Thực hiện theo văn bản yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành chức năng, Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu chỉ đạo triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định trên địa bàn tỉnh.

b) Trên cơ sở đề xuất của các địa phương, có trách nhiệm tổng hợp đề xuất nhu cầu kinh phí hỗ trợ hằng năm trên địa bàn toàn tỉnh gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

c) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành chức năng có liên quan trong công tác hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ của tỉnh bảo đảm đúng quy định, hiệu quả.

d) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách hằng năm.

b) Thực hiện cấp phát, thông báo kinh phí hỗ trợ cho các xã, phường và hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, thanh, quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan hướng dẫn tổ chức, cá nhân về trình tự, thủ tục triển khai thực hiện các dự án đầu tư thuộc diện phải chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật.

d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ bảo đảm theo đúng quy định.

3. Các sở, ngành có liên quan khác: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách bảo đảm đúng quy định và hiệu quả.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

b) Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ và quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, chế độ quy định.

c) Quyết định phê duyệt thuyết minh và dự toán các dự án, phương án phát triển sản xuất trên địa bàn quản lý theo quy định.

d) Phân công, giao nhiệm vụ cho các phòng, ban, đơn vị chuyên môn trực thuộc chủ trì thực hiện chính sách hỗ trợ; Quyết định thành lập Tổ thẩm định và Hội đồng nghiệm thu thực hiện chính sách trên địa bàn quản lý.

đ) Quản lý, cấp phát kinh phí hỗ trợ cho các dự án, phương án phát triển sản xuất và thanh quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách theo quy định.

e) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

5. Trách nhiệm của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân tham gia thụ hưởng chính sách hỗ trợ

a) Tổ chức thực hiện đầy đủ, có chất lượng các nội dung hạng mục đầu tư phát triển sản xuất theo nội dung đăng ký thực hiện chính sách hỗ trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Tiếp nhận, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ quy định. Trường hợp kinh phí không sử dụng hết phải nộp trả lại cho ngân sách nhà nước, không được sử dụng vào mục đích khác. Tự bảo đảm các điều kiện và nguồn kinh phí đối ứng đầy đủ, kịp thời để triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung phát triển sản xuất theo cơ chế chính sách hỗ trợ của tỉnh.

c) Chấp hành sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng

từ phục vụ công tác kiểm tra, nghiệm thu và thanh, quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ theo quy định.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh: Phối hợp trong công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực hưởng ứng, đưa chính sách hỗ trợ của tỉnh vào cuộc sống; đồng thời phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội đối với việc thực hiện chính sách trên địa bàn tỉnh

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2026.
2. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện chính sách, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời báo cáo bằng văn bản gửi đến Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VB và QLXLVPHC- Bộ Tư pháp;
- TT. TU, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UB MTTQ tỉnh, các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo, Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Công báo Lào Cai;
- LĐ Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NLN (Minh).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Phước

Mẫu số 01

UBND XÃ/PHƯỜNG.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị giao dự toán kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn...(xã/phường)...năm.....

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số /202../QĐ-UBND ngàycủa Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai;

Căn cứ kết quả rà soát, thẩm định nhu cầu phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản của các doanh nghiệp, HTX, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn. UBND xã/phường trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai xem xét, phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn...(xã/phường)...năm....., như sau:

1. Kinh phí hỗ trợ

Tổng kinh phí đề nghị giao dự toán thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản năm là triệu đồng (....*Bằng chữ*.....). Trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ thực hiện các dự án, phương án sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: triệu đồng;
- Kinh phí hỗ trợ công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện chính sách: triệu đồng.

2. Nội dung hỗ trợ

2.1. Hỗ trợ thực hiện các dự án phát triển sản xuất

- Tổng số dự án hỗ trợ: dự án.
- Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh: triệu đồng, trong đó:
 - + Hỗ trợ các dự án chuyển tiếp (nếu có): triệu đồng;
 - + Hỗ trợ các dự án bắt đầu thực hiện từ năm: triệu đồng.

2.2. Hỗ trợ thực hiện các phương án phát triển sản xuất

- Tổng số phương án hỗ trợ: Phương án.
- Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh: triệu đồng, trong đó:
 - + Hỗ trợ các phương án chuyển tiếp (nếu có): triệu đồng;
 - + Hỗ trợ các phương án bắt đầu thực hiện từ năm: triệu đồng.

(Chi tiết nội dung đề nghị hỗ trợ theo mẫu phụ lục kèm theo)

UBND xã/phường... đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai xem xét, phê duyệt.

Nơi nhận:

....., ngày ... tháng ... năm

UBND XÃ/PHƯỜNG.....

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục: TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH, HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ/PHƯỜNG NĂM

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /.../.... của UBND xã/phường)

STT	Nội dung	Quy mô của dự án/phương án	Tổng mức đầu tư			Kinh phí đề nghị phê duyệt trong năm	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:			
				Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn hợp pháp khác		
	<u>Tổng số</u>						
A	HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN						
I	Dự án phê duyệt mới trong năm						
1	...(tên dự án)						
2							
							
II	Dự án chuyển tiếp						
1	...(tên dự án)						
2							
							
B	HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÁC PHƯƠNG ÁN						
I	Phương án phê duyệt mới trong năm						
1	...(tên phương án)						
2							

							
II	Phương án chuyển tiếp						
1	...(tên phương án)						
2							
							
III	HỖ TRỢ QUẢN LÝ, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH						

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐĂNG KÝ

**Thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp
và thủy sản theo quy định tại Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND
ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Lào Cai**

Kính gửi: UBND xã/phường.....

Căn cứ Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số /202../QĐ-UBND ngàycủa Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai;

...(tên DN/HTX, hộ gia đình, cá nhân...) ...đăng ký tham gia thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản hàng hoá, cụ thể như sau:

1. Thông tin chung của chủ thể đăng ký thực hiện chính sách

- Tên (DN/HTX, hộ gia đình, cá nhân):.....

- Địa chỉ:

- Người đại diện (áp dụng đối với doanh nghiệp, HTX): Chức danh:;
số căn cước công dân/Căn cước: Ngày cấp: .../.../.... Nơi cấp:.....;
điện thoại:.....Fax/Email:

2. Nội dung đăng ký thực hiện

- Đăng ký thực hiện: Dự án ...(tên dự án áp dụng đối với doanh nghiệp, HTX) hoặc thực hiện nội dung chính sách hỗ trợ ...(tên nội dung chính sách).....

- Tóm tắt mục tiêu, quy mô dự án, dự kiến kết quả đạt được đối với dự án hoặc quy mô sản xuất đối với hộ gia đình, cá nhân.....

.....
- Nội dung đề nghị hỗ trợ:

...Tên (DN/HTX, hộ gia đình, cá nhân.... cam kết thực hiện đầy đủ, có chất lượng, hiệu quả các nội dung đầu tư phát triển sản xuất theo quy định và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền; cam kết sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả. Tự bảo đảm các điều kiện và nguồn kinh phí đối ứng để triển khai thực hiện nội dung phát triển sản xuất theo quy định./.

....., ngày ... tháng ... năm

NGƯỜI VIẾT ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu đối với DN, HTX)

Mẫu số 03

TÊN DOANH NGHIỆP/HTX...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH

Dự án..... (tên dự án).....

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên doanh nghiệp/HTX:.....

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/HTX số....., cấp ngày....., nơi cấp.....3.

Địa chỉ trụ sở chính:.....

4. Người đại diện theo pháp luật:.....; chức danh.....;

số căn cước công dân/Căn cước....., cấp ngày....., nơi cấp.....; nơi thường trú..... điện thoại.....

4. Thời gian thực hiện dự án:.....

5. Tổng kinh phí thực hiện dự án:.....

II. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG DỰ ÁN

III. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Mục tiêu của dự án:.....

2. Nội dung của dự án:

a) Quy mô thực hiện:.....

b) Địa điểm thực hiện:

- Địa điểm vùng nguyên liệu của dự án:.....

- Địa điểm cơ sở chế biến, sơ chế, hoặc cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm.....

c) Thời gian thực hiện:.....

d) Các nội dung đầu tư, thực hiện dự án:.....

đ) Các nội dung đề nghị hỗ trợ:.....

3. Các giải pháp thực hiện dự án:.....

4. Tiến độ thực hiện các hạng mục:.....

IV. KINH PHÍ, NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tổng kinh phí thực hiện dự án:.....triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước:triệu đồng;

- Kinh phí đối ứng của doanh nghiệp/HTX:.....triệu đồng;

- Nguồn kinh phí khác (nếu có):.....triệu đồng.

(Biểu dự toán chi tiết và phân kỳ kinh phí thực hiện kèm theo)

V. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA DỰ ÁN

1. Hiệu quả về kinh tế:.....

2. Hiệu quả về xã hội:.....

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

.....

VII. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

* Kèm theo dự án: Hồ sơ năng lực của đơn vị chủ trì dự án.

....., ngày ... tháng ... năm

CHỦ DỰ ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 04

**TÊN DOANH
NGHIỆP/HTX.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ thực hiện dự án(tên dự án)

Kính gửi: UBND xã/phường.....

Căn cứ Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số /202../QĐ-UBND ngàycủa Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai;

Doanh nghiệp/HTXtrình UBND xã/phườngxem xét, phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ thực hiện dự án(tên dự án), cụ thể như sau:

1. Thông tin về Doanh nghiệp/HTX

- Tên doanh nghiệp:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/HTX số....., cấp ngày....., nơi cấp.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Người đại diện theo pháp luật:.....; chức danh.....; số căn cước....., cấp ngày....., nơi cấp.....; nơi thường trú.....; điện thoại.....

2. Nội dung dự án

- Tên dự án:
- Địa điểm thực hiện dự án:.....
- Mục tiêu và quy mô của dự án:.....
- Thời gian thực hiện dự án:.....
- Tổng vốn đầu tư thực hiện dự án:.....triệu đồng (Bằng chữ), trong đó:
 - Vốn của doanh nghiệp/HTX:.....triệu đồng;
 - Vốn đề nghị hỗ trợ từ ngân sách tỉnh:.....triệu đồng;
 - Vốn huy động khác (nếu có):.....triệu đồng.

3. Đề xuất, kiến nghị

Doanh nghiệp/HTX.....đề nghị UBND xã/phường..... xem xét, phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ thực hiện dự án(tên dự án)với các nội dung đầu tư sau:

S T T	Nội dung đầu tư đề nghị được hưởng chính sách hỗ trợ	ĐVT	Khối lượng	Kinh phí đầu tư	Đề nghị hỗ trợ theo chính sách		
					Tổng số	Tiền độ giải ngân	
						202..	202..

1								
								
	Tổng số							

(Có hồ sơ dự án kèm theo)

Doanh nghiệp/HTXđề nghị UBND xã, phườngxem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

....., ngày ... tháng ... năm

Chức danh người đại diện doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG.....
Số: .../PA-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN

Phát triển sản xuất(tên phương án).....
trên địa bàn năm 202...

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

.....

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Mục tiêu của phương án:.....

2. Nội dung của phương án:

a) Quy mô thực hiện:.....

b) Địa điểm thực hiện:

- Địa điểm vùng nguyên liệu của dự án:.....

- Địa điểm cơ sở chế biến, sơ chế (nếu có):.....

c) Thời gian thực hiện:.....

d) Nội dung, đối tượng nghị hỗ trợ:.....

- Nội dung đề nghị hỗ trợ:.....

- Đối tượng hưởng hỗ trợ: Có Biểu danh sách đối tượng, nội dung hỗ trợ, kinh phí hỗ trợ kèm theo.

3. Các giải pháp thực hiện phương án:.....

4. Tiến độ thực hiện các hạng mục:.....

III. KINH PHÍ, NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí thực hiện phương án:.....triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước:triệu đồng;

- Kinh phí đối ứng của doanh nghiệp/HTX:.....triệu đồng;

- Nguồn kinh phí khác (nếu có):.....triệu đồng.

(Biểu dự toán chi tiết và phân kỳ kinh phí thực hiện kèm theo)

V. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Hiệu quả về kinh tế:.....

2. Hiệu quả về xã hội:.....

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Nơi nhận:

....., ngày ... tháng ... năm

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG.....
Số: /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 06

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện dự án...../phương án
trên địa bàn năm 202...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số .../202.../QĐ-UBND ngày của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai;

Căn cứ báo cáo thẩm định số.../BC-HĐTĐ ngày .../.../202... của Tổ thẩm định dự án, phương án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn xã/phường...

Theo đề nghị của, Ủy ban nhân dân xã/phường... quyết định phê duyệt thuyết minh và dự toán thực hiện dự án...(tên dự án)..../Phương án...(tên Phương án).....

Điều 1. Phê duyệt thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện dự án/phương án:, với các nội dung sau:

1. Tên dự án/Phương án:.....
2. Đơn vị chủ trì thực hiện dự án (áp dụng đối với dự án do DN, HTX chủ trì thực hiện):
 - Tên doanh nghiệp/HTX:.....
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/HTX số....., cấp ngày....., nơi cấp.....
 - Địa chỉ trụ sở chính:.....
 - Người đại diện theo pháp luật:.....; chức danh.....; số căn cước công dân/Căn cước....., cấp ngày....., nơi cấp.....; nơi thường trú..... điện thoại...
3. Thời gian thực hiện dự án/phương án:.....
4. Mục tiêu của dự án/phương án:
5. Nội dung, quy mô của dự án/phương án:.....
6. Kinh phí, nguồn kinh phí thực hiện dự án/phương án:.....
7. Nội dung, kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước:.....

(Biểu dự toán chi tiết và phân kỳ kinh phí thực hiện kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện dự án/phương án

1. Trách nhiệm của các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND cấp xã và các thôn bản:.....
2. Trách nhiệm đơn vị chủ trì thực hiện dự án/hộ gia đình, cá nhân:.....

Điều 3. Điều khoản thi hành.....căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

....., ngày ... tháng ... năm

-

CHỦ TỊCH

Mẫu số 07

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG.....
Số: /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....ngàythángnăm.....

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ thực hiện dự án.....
trên địa bàn xã/phường..... năm 202...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số .../202.../QĐ-UBND ngàycủa Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai;

Căn cứ hồ sơ dự án.....của doanh nghiệp/HTX..... và Báo cáo thẩm định số.../BC-HĐTĐ ngày .../.../202...của Tổ thẩm định dự án, phương án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn xã/phường...

Theo đề nghị của, Ủy ban nhân dân xã/phường.... quyết định phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ thực hiện dự án...(tên dự án).....

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ thực hiện dự án:, với các nội dung sau:

1. Tên dự án:.....
2. Đơn vị chủ trì thực hiện dự án
 - Tên doanh nghiệp/HTX:.....
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/HTX số....., cấp ngày....., nơi cấp.....
 - Địa chỉ trụ sở chính:.....
 - Người đại diện theo pháp luật:.....; chức danh.....; số căn cước công dân/Căn cước....., cấp ngày....., nơi cấp.....; nơi thường trú..... điện thoại.....
3. Thời gian thực hiện dự án/phương án:.....
4. Mục tiêu của dự án:
5. Quy mô của dự án:.....
6. Nội dung, kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước:.....

(Biểu dự toán chi tiết và phân kỳ kinh phí thực hiện kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện dự án

1. Trách nhiệm của các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND cấp xã và các thôn bản:.....
2. Trách nhiệm đơn vị chủ trì thực hiện dự án:.....

Điều 3. Điều khoản thi hành.....căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
-

....., ngày ... tháng ... năm
CHỦ TỊCH

Mẫu số 08

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ NGHIỆM THU, THANH TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ
Thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp
và thủy sản hàng hoá theo quy định tại Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND
ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Lào Cai

Kính gửi: UBND xã/phường.....

Căn cứ Quyết định số/202../QĐ-UBND ngày/202... của Ủy ban nhân dân xã, phườngvề việc phê duyệt thuyết minh và dự toán thực hiện dự án...(tên dự án)..../phê duyệt Phương án...(tên Phương án).....:

...(tên DN/HTX, hộ gia đình, cá nhân...) ...đề nghị Ủy ban nhân dân xã, phườngnghiệm thu khối lượng hoàn thành hoặc dự án.....và thanh toán nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

1. Tên DN/HTX/hộ gia đình, cá nhân:.....
2. Địa chỉ:
3. Người đại diện theo pháp luật (áp dụng đối với doanh nghiệp, HTX): ... Chức danh:
4. Số Căn cước công dân/Căn cước: Ngày cấp:/.../.... Nơi cấp:.....
5. Điện thoại:.....
6. Nội dung đề nghị nghiệm thu, thanh toán kinh phí hỗ trợ:

.....

7. Thông tin tài khoản (trường hợp đề nghị thanh toán bằng hình thức chuyển khoản):

- Tên tổ chức, cá nhân thụ hưởng:
- Số tài khoản:.....tại ngân hàng/kho bạc

8. Số tiền đề nghị hỗ trợ:(viết bằng chữ):

- Hồ sơ, chứng từ minh chứng nội dung đầu tư kèm theo gồm:.....

Tôi cam đoan các thông tin kê khai trên và các hồ sơ kèm theo đảm bảo đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày ... tháng ... năm

NGƯỜI VIẾT ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu đối với DN, HTX)

Mẫu số 09

HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BB-HĐNT

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN NGHIỆM THU**Dự án...../phương án trên địa bàn xã/phường..... năm 202...**

Căn cứ Quyết định phê duyệt dự án/phương án của UBND xã, phường.....

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày/.../... của UBND xã/phường..... về việc thành lập Hội đồng nghiệm thu kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản theo quy định tại Nghị quyết số/202../NQ-HĐND ngày .../.../202... của HĐND tỉnh Lào Cai.

Theo đề nghị của doanh nghiệp/HTX/hộ gia đình, cá nhân..... về việc nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực hiện dự án/phương án.....

Hội đồng nghiệm thu tiến hành tổ chức nghiệm thu hạng mục dự án hoặc toàn bộ dự án hoặc nội dung thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất theo phương án đã được phê, cụ thể như sau:

1. Thành phần nghiệm thu:

- a) Thành phần hội đồng:.....
- b) Đại diện hợp pháp của doanh nghiệp/HTX, hộ gia đình, cá nhân:.....
- c) Thành phần có liên quan khác (nếu có):.....

2. Thời gian, địa điểm tiến hành nghiệm thu:

- a) Thời gian:.....
- b) Địa điểm:.....

3. Nội dung nghiệm thu (khối lượng công việc hoàn thành theo thuyết minh và dự toán được phê duyệt; hoá đơn, chứng từ minh chứng các nội dung đầu tư phát triển sản xuất):.....

4. Đánh giá, nhận xét các nội dung nghiệm thu (về mức độ hoàn thành; chất lượng, yêu cầu của nội dung thực hiện):.....

- Thành viên hội đồng cho ý kiến:.....
- Đại diện doanh nghiệp/HTX, hộ gia đình, cá nhân cho ý kiến:.....

5. Kết luận nghiệm thu

....(đủ kiện nghiệm thu hoặc không đủ điều kiện nghiệm thu).....

6. Đề xuất kiến nghị

a) Đề nghị UBND xã, phường..... giải ngân kinh phí hỗ trợ đối với các hạng mục hoàn thành hoặc toàn bộ dự án (áp dụng đối với trường hợp kết luận đủ điều kiện nghiệm thu):

- Hạng mục:.....; kinh phí hỗ trợtriệu đồng;
-

b) Đề nghị UBND xã, phường..... không thực hiện giải ngân hỗ trợ đối với hạng mục không hoàn thành theo thuyết minh, dự toán và nguyên tắc, điều kiện hưởng hỗ trợ hoặc đề nghị UBND xã, phường tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn doanh nghiệp/HTX, hộ gia đình, cá nhân tiếp tục hoàn thiện các hạng mục đầu tư theo quy định để được xem xét, nghiệm thu, giải ngân theo quy định.

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung nghiệm thu và thống nhất xác nhận biên bản nghiệm thu.

Nơi nhận:

- UBND xã, phường (để báo cáo);
- Đơn vị được giao nhiệm vụ chỉ đạo, thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cấp xã;
- Các cơ quan liên quan khác;
- DN, HTX, hộ gia đình, cá nhân;
- Lưu: HĐNT.

ĐẠI DIỆN HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP/HTX/HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên)